

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 01 - 2022

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Diễm Châu.

Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp F, xã A, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Nguyễn Sĩ Học L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: cháu Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/12/2013.

(Giám hộ cho cháu T là chị H – mẹ ruột).

Địa chỉ: ấp F, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của chị và anh Nguyễn Sĩ Học L do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nhưng đến năm 2013 mới tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ, chồng sống hạnh phúc được 03

tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, do tính chất công việc chị không có thời gian nhiều ở nhà làm dâu nên mẹ chồng không hài lòng từ đó vợ, chồng thường xuyên cãi vã. Anh L đánh chị khi chị đang mang thai vào khoảng tháng 7/2013 nên chị thuê nhà gần cơ quan để sống. Khi gần tới lúc sinh con thì gia đình hai bên hàn gắn tình cảm cho chị và anh L nên chị về nhà tiếp tục sống chung với anh L.

Sau khi về chung sống anh L không thay đổi tính tình, thích vui với bạn bè không chí thú làm ăn, sa vào các tệ nạn xã hội, chị khuyên nhiều lần nhưng anh không nghe. Vợ, chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân chị và anh L không hàn gắn tình cảm được vì vợ, chồng không có tiếng nói chung. Nay chị không còn tình cảm với anh L xin được ly hôn với anh L.

Về con: Có 02 người con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/12/2013 và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 08/01/2019. Từ khi ly thân đến nay các cháu do chị H trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi 02 con chung, chị có thu nhập ổn định khoảng 7.800.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Hôn nhân của anh và chị Nguyễn Thị Mộng H là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nhưng đến năm 2013 tổ chức lễ cưới.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn lớn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, chị H đi làm thường xuyên về trễ, không đồng ý sống chung với ba mẹ chồng yêu cầu ra riêng anh không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần vợ chồng cự cãi chị H bỏ nhà đi rồi quay về chung sống. Đồng thời, trong kinh tế gia đình H không tôn trọng ý kiến của anh, tự quyết định mọi việc không bàn bạc với anh nên mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng trầm trọng, có lúc do nóng tính không kiềm chế được nên có đánh chị H. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Do gia đình xảy ra nhiều chuyện không vui nên anh có vui chơi với bạn bè nhưng không có thiếu nợ và còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống anh thống nhất có 02 con chung như trên là đúng, từ khi ly thân đến nay các con vẫn chung sống với chị H. Anh có liên lạc để thăm con nhưng chị H cho rằng dịch bệnh Covid 19 nên không tạo điều kiện cho gặp con chung. Trường hợp phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung. Anh làm ở

công ty nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của thành phố Cần Thơ, thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/tháng nên anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/12/2013 cho chị H nuôi dưỡng còn cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 08/01/2019 anh yêu cầu được nuôi cháu. Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con và anh cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Trình trình bày:

Cháu là con chung của chị Nguyễn Thị Mộng H và anh Nguyễn Sĩ Học L. Nguyên đơn, bị đơn ly hôn cháu không có ý kiến gì. Hiện tại cháu đang sống chung với nguyên đơn, nguyện vọng xin được tiếp tục sống chung nguyên đơn không yêu cầu gì đối với bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị H được ly hôn với anh L. Về con công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc giao cháu Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/12/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Đồng thời đề nghị giao Nguyễn Ngọc Phương Lan, sinh ngày 08/01/2019 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của chị H và anh L đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị H và anh L trình bày thì anh, chị mâu thuẫn và ly thân tháng 10/2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh, chị chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế gia đình, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cự cãi, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh L trình bày còn tình cảm với chị H không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt thời gian sống chung anh

chị đã nhiều lần ly thân rồi quay về chung sống nhưng vẫn không hàn gắn tình cảm được. Điều này cho thấy, tình cảm anh, chị dành cho nhau chưa đủ lớn để vượt qua những thử thách đời thường. Do đó, nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho chị H và anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh L.

[3] Về con: Chị H và anh L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 20/12/2013 và Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 08/01/2019. Về điều kiện nuôi con của nguyên đơn, bị đơn là như nhau bởi chị H và anh L đều có việc làm và thu nhập ổn định như anh chị đã trình bày trên. Tại phiên tòa, anh L đồng ý giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Riêng đối với cháu L thì nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lan nhưng từ khi ly thân đến nay cháu L do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, đã quen với môi trường sống và nhằm không làm sáo trộn đời sống của cháu, không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu, hơn nữa cháu L là nữ giới cần sự chăm sóc của chị H khi cháu phát triển nên giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp hơn. Chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng H được ly hôn với anh Nguyễn Sĩ Học L.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn về việc giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Trinh, sinh ngày 20/12/2013 cho chị Nguyễn Thị Mộng H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Riêng cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 08/01/2019 giao cho chị Nguyễn Thị Mộng H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Sĩ Học L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, nguyên đơn và bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006052 ngày 23/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên chị H không phải nộp thêm án phí.

Nguyên, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía